

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

**Vinh Son- Song Hinh Hydro Power Joint Stock Company**

Địa chỉ trụ sở: Số 21 Nguyễn Huệ, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056.3892792

Fax: 056. 3891975

Email: [hpp\\_vssh@evn.com.vn](mailto:hpp_vssh@evn.com.vn)

Website: [www.vshpc.evn.com.vn](http://www.vshpc.evn.com.vn)



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009**



ISO: 9001-2008

*(Theo thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính)*

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Tên tổ chức niêm yết: **CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**

Năm báo cáo: **2009**

### **I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Những sự kiện quan trọng:**

\* Ngày 11/07/1994 Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn được thành lập theo Quyết định số 415NL/TCCB-LĐ của Bộ Năng lượng.

\* Ngày 03/07/2000: đổi tên doanh nghiệp Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn thành Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Quyết định số 163 EVN/HĐQT-TCCB.ĐT của Tổng công ty Điện lực Việt Nam.

\* Ngày 02/12/2004: chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp.

\* Ngày 04/5/2005 Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hinh chính thức đăng ký kinh doanh và đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

\* Ngày 07/7/2005 Công ty có phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã số chứng khoán là VSH.

\* Ngày 18/7/2006 Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

\* Tháng 12/2007 Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.250.000.000.000 đồng lên 1.374.942.580.000 đồng.

\* Tháng 12/2009 Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.374.942.580.000 đồng lên 2.062412.460.000 đồng.

#### **2. Quá trình phát triển:**

\* Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh điện năng; Dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; Tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thủy điện; Tư vấn thiết kế các công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện; Thí nghiệm điện; Kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện; Đầu tư xây dựng các dự án điện; Kinh doanh bất động sản.

\* Tình hình hoạt động: Thời gian hoạt động của Công ty là liên tục, không giới hạn.

### **3. Định hướng phát triển:**

#### **3.1. Các mục tiêu chủ yếu:**

\* Phát triển và sản xuất kinh doanh nguồn năng lượng thủy điện (chủ yếu ở các tỉnh miền Trung và Tây nguyên) cung cấp ngày càng nhiều điện năng, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

\* Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty, liên doanh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề hợp pháp khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất-kinh doanh của Công ty mang lại lợi ích hài hòa cho các Cổ đông, Công ty, người lao động và xã hội.

#### **3.2. Chiến lược phát triển :**

##### **\* Chiến lược phát triển ngắn hạn:**

- Nâng cao và phát huy có hiệu quả sản xuất kinh doanh tại hai nhà máy thủy điện hiện có là Nhà máy Vĩnh Sơn và Nhà máy Sông Hinh mà Công ty đang sở hữu và khai thác bằng cách nâng thêm dung tích hồ chứa để tăng thêm sản lượng điện phát.

- Dự án nâng cao năng lực khai thác hồ chứa Vĩnh Sơn và Sông Hinh

- + Điện lượng tăng trung bình năm: 50 triệu kWh
- + Tổng mức đầu tư:  $100 \times 10^9$  đồng
- + Tiến độ thực hiện: 2009 - 2011

##### **\* Chiến lược phát triển dài hạn:**

Công ty tập trung cao độ vào đầu tư phát triển ngành nghề kinh doanh truyền thống là đầu tư và khai thác các dự án thủy điện, với các dự án:

- Dự án thủy điện Thượng KonTum:

- + Công suất lắp máy: 220 MW
- + Điện lượng trung bình năm: 1.094,2 triệu kWh
- + Tổng mức đầu tư:  $5.744 \times 10^9$  đồng
- + Tiến độ thực hiện: 2009 - 2014

- Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 2&3:

##### **\* Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 2:**

- + Công suất lắp máy: 100 MW
- + Điện lượng trung bình năm: 365,6 triệu kWh
- + Tổng mức đầu tư:  $2.300 \times 10^9$  đồng
- + Tiến độ thực hiện: 2009 – 2013

##### **\* Dự án NMTĐ Vĩnh Sơn 3:**

- + Công suất lắp máy: 30 MW
- + Điện lượng trung bình năm: 113 triệu kWh
- + Tổng mức đầu tư:  $777 \times 10^9$  đồng

- + Tiến độ thực hiện: 2009 – 2012
- Dự án thủy điện Đồng Cam (đang nghiên cứu quy hoạch bổ sung)
  - + Công suất lắp máy: 120 MW
  - + Điện lượng trung bình năm: 430 triệu kWh
  - + Tổng mức đầu tư: 2.118x10<sup>9</sup> đồng
  - + Tiến độ thực hiện: 2009 – 2013

## II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

### 1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm:

#### 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

##### 2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	Đ.vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	SL điện thương phẩm	Tr kWh	750	926.91	123.5
2	Tổng doanh thu	Tỷ VND	511.310	599.668	117.28
	Trong đó:				
	DT từ SX điện, DV		425.310	517.563	121.69
	DT từ hoạt động TC		86.000	82.105	95.47
3.	Tổng LN trước thuế	Tỷ VND	291.081	387.144	133.00
	LN từ SX điện&DV		232.981	324.319	139.20
	LN từ hoạt động TC		58.000	62.825	108.32
4.	Tổng LN sau thuế	Tỷ VND	291.081	374.523	128.67
5.	Tỷ suất LN/VĐL	%	21.17	18.16	
6.	Tỷ lệ cố tức	%	15	15	

##### 2.2. Kết quả đầu tư phát triển:

###### a- Dự án thủy điện Thượng Kon Tum:

Trong năm 2009, chủ đầu tư đã hoàn chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình, trình các cấp thỏa thuận thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật:

- Bộ Công thương có ý kiến về thiết kế cơ sở tại văn bản số 5477/BCT-NL ngày 12/6/2009;

- UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tổng thể để xây dựng dự án tại Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 13/4/2009;

- Thủ tướng Chính phủ cho phép quyết định đầu tư tại văn bản số 1051/TTg-KTN ngày 25/6/2009. Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh đã thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 của Công ty và quyết định phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 587/2009/QĐ-VSH-HĐQT ngày 13/7/2009. Dự án có quy mô công suất 220

MW; Sản lượng điện bình quân năm 1.094 triệu kWh; Tổng mức đầu tư 5774 tỷ VNĐ.

- Đã triển khai các hạng mục công trình để khởi công và tổ chức thành công lễ khởi công xây dựng dự án vào ngày 27/9/2009.

- Tích cực thực hiện đúng tiến độ các công tác đầu thầu hạng mục công trình chính; Bồi thường GPMB, di dân, tái định cư, định canh.

- Phê duyệt Tổng tiến độ XD DA ngày 16/10/2009: Tổ máy số 1 đưa vào vận hành ngày 2/9/2013, và tổ máy 2 vào ngày 31/12/2013.

*b- Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2:*

Do có tranh chấp về Quy hoạch giữa DA thủy điện Vĩnh Sơn 2 và thủy điện Sơn Lang 2, nên Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công thương xem xét giải quyết. Trong khi chờ quyết định của Chính phủ, Công ty quyết định tách Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2 thành 02 Dự án độc lập là: Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2 và Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3, đến nay vẫn chưa có kết luận cuối cùng về DA thủy điện Vĩnh Sơn 2.

*c- Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3 (tách từ Dự án chung Vĩnh Sơn 2&3):*

Dự án có công suất 30 MW; Sản lượng điện hàng năm 102 triệu kWh; Tổng mức đầu tư khoảng 700 tỷ VNĐ. Đến nay đã thực hiện các công việc sau:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình số 905.2/2009/QĐ-VSH-HĐQT ngày 16/10/2009.

- Đang triển khai các hạng mục thi công xây dựng đường vào nhà máy; Khảo sát, TKCS, TKBVTC Đường vào tuyến đập; Đang khảo sát, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công DA thủy điện Vĩnh Sơn 3; Các công tác phục vụ bồi thường, GPMB; Các hạng mục công trình chính có thể khởi công xây dựng vào đầu quý III/2010;

- Phê duyệt tổng tiến độ của DA: phát điện cuối năm 2012.

*d- Cải tạo nâng năng lực khai thác thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh:*

- Dự án đầu tư nâng cao hiệu quả khai thác hồ B, hồ C Vĩnh Sơn: Tư vấn đã hoàn thành thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán; Đang tổ chức thẩm định và thỏa thuận với các cơ quan chức năng trước khi trình phê duyệt;

- Dự án nâng cao hiệu quả khai thác hồ Sông Hinh: Tư vấn đang thực hiện khảo sát, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán trình chủ đầu tư.

**3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:**

- Tháng 04/2009 Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Thanh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị thay cho Ông Nguyễn Đức Đới.

- Tháng 09/2009 Công ty phát lễ khởi công Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum trên địa bàn huyện KonPlong, tỉnh Kon Tum.

- Tháng 10/2009 Công ty thành lập Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH.

- Trong năm, Công ty đã nghiên cứu cải tiến ban hành các quy trình, quy phạm kỹ thuật trong công tác sản xuất và các quy chế, quy định trong công tác quản lý với mục tiêu không ngừng tăng cường hiệu quả công tác, đảm bảo đáp ứng yêu cầu hiệu quả kinh tế ngày càng cao hơn.

#### **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:**

Trong thời gian tới, hoạt động của HĐQT tập trung vào những nội dung sau:

1) Quản lý, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng theo các nhiệm vụ và chức năng được pháp luật và điều lệ Công ty quy định.

2) Chỉ đạo Giám đốc triển khai các kế hoạch dài hạn nhằm tăng tiềm lực sản xuất kinh doanh, có khả năng cạnh tranh để định hướng phát triển Công ty. Cụ thể tập trung vào các vấn đề sau:

- Kế hoạch đầu tư phát triển nguồn điện: Triển khai đầu tư dự án thủy điện Thượng Kon Tum bám tiến độ theo Tổng sơ đồ Điện VI; Triển khai dự án thủy điện Vĩnh Sơn 3; Tiếp tục các bước chuẩn bị đầu tư dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2 ngay sau khi có kết luận về điều chỉnh quy hoạch; lập dự án đầu tư mở rộng hồ Sông Hinh. Đẩy nhanh dự án mở rộng, cải tạo hồ Vĩnh Sơn để sớm phát huy tác dụng.
- Kế hoạch phát triển công nghệ và nguồn nhân lực: Tiếp tục xây dựng mô hình quản lý hiện đại để tăng hiệu quả quản lý sản xuất kinh doanh; sắp xếp và phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng cho phù hợp với mô hình sản xuất.
- Kế hoạch Tài chính doanh nghiệp: Cân đối kế hoạch dòng tiền dài hạn đảm bảo đầu tư phát triển; trên cơ sở nguồn vốn và tài sản chủ sở hữu, sử dụng linh hoạt các công cụ tài chính – tín dụng để đảm bảo nguồn vốn đầu tư và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3) Quản trị doanh nghiệp: Bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động cụ thể của công ty. Kịp thời đổi mới mô hình quản lý điều hành của Công ty để nâng cao hiệu quả.

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính :

\* Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Chỉ tiêu	ĐV	Năm 2009	Năm 2008
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	44.91	40.03
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	55.09	59.97
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	12.25	13.73
- Vốn chủ Sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	87.75	86.27
<b>Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	16.98	8.40
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	8.16	7.29
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
- Tsuất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	14.51	14.94
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	62.46	63.49
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	18.16	26.98

\* *Phân tích những biến động lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động:*

- Việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh năm 2009 đều hoàn thành vượt mức kế hoạch nguyên nhân chủ yếu là do trong năm Công ty có nhiều thuận lợi về mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh việc tình hình thời tiết thuận lợi đã tạo điều kiện tích đủ nước cho các hồ chứa là việc tổ chức điều hành hợp lý của Ban điều hành cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân viên trong Công ty trong việc điều tiết các hồ chứa và quản lý vận hành hai nhà máy đạt hiệu quả cao, đảm bảo nhu cầu điều động hệ thống điện.

- Năm 2009, Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH (VSHE) được thành lập và hoạt động có hiệu quả. Trước mắt, Công ty VSHE đảm nhiệm thực hiện các công việc tư vấn cho các dự án Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 3, đã góp phần đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và giảm chi phí công tác tư vấn các dự án từ 10 - 15%.

- Trong năm 2009, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 920/2009/NQ-VSH-ĐHCHĐ ngày

21/10/2009 của Đại hội cổ đông bất thường, tăng vốn điều lệ từ 1.374.942.580.000 đồng lên 2.062.412.460.000 đồng.

**\* Những thay đổi về vốn cổ đông:**

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009: 10.980,41 đồng/cổ phiếu.
- Tổng số cổ phiếu vào thời điểm 31/12/2009: 206.241.246 cổ phiếu.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành vào thời điểm 31/12/2009: 206.241.246 cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2009: Không có.
- Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn: Tỷ lệ cổ tức năm 2009 của cổ phiếu phổ thông là 15% trên vốn điều lệ 1.374.942.580 đồng.

**2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009:**

Thực hiện kế hoạch kinh doanh-tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2009 thông qua ngày 17/04/2009 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Qua một năm triển khai thực hiện, kết quả đạt được như sau:

Về sản xuất kinh doanh, với đặc điểm tình hình thời tiết thuận lợi, lượng nước các chứa đều tích đầy và xả tràn, cùng với sự nỗ lực của Ban điều hành và tất cả cán bộ nhân viên, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009.

Công tác đầu tư xây dựng các dự án về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu về tiến độ kế hoạch đề ra, những kết quả đã đạt được bước đầu sẽ tạo tiền đề tốt cho việc tổ chức thực hiện dự án trong các năm tiếp theo

Trong đầu tư tài chính, với nguồn vốn tự có dồi dào, tình hình lãi suất ngân hàng tương đối cao và chính sách đầu tư thận trọng để bảo toàn vốn, Công ty đã tránh được nhiều rủi ro khi thị trường chứng khoán đi xuống, tính thanh khoản thấp. Với dòng tiền thu được khi phát hành cổ phiếu và các khoản tích lũy từ lợi nhuận, KHCB... Công ty đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn, không những đem lại hiệu quả cao và an toàn mà còn đảm bảo chủ động sử dụng vốn. Ngoài ra Công ty đang nghiên cứu một số dự án về bất động sản ở Hà Nội và thành phố HCM, đến nay các dự án chưa có kết quả cụ thể, công ty tiếp tục xem xét trong năm 2010.

**3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:**

**3.1. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:**

Năm 2009 là năm có nhiều ý nghĩa quan trọng đặc biệt là có nhiều sự thay đổi trong hàng ngũ lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty. Sự thay



đổi đó đã hình thành một nền văn hóa kinh doanh mới, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả của công tác tổ chức quản lý.

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh mô hình quản lý điều hành để đạt hiệu quả cao nhất.

Việc thành lập Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH đã đem lại những hiệu quả thiết thực, ngoài việc giảm chi phí đầu tư các dự án còn làm giảm sự phụ thuộc vào các đơn vị tư vấn, góp phần đảm bảo các dự án hoàn thành đúng tiến độ.

### **3.2. Các biện pháp kiểm soát:**

Tất cả các bộ phận trong Công ty đều duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO vào công tác quản lý, tuân thủ các quy trình, quy định, thực hiện và kiểm soát đầy đủ các mục tiêu chất lượng của từng bộ phận, đảm bảo Mục tiêu chất lượng của toàn Công ty.

Đảm bảo kiểm soát đầy đủ việc thực hiện các quá trình của hệ thống quản lý chất lượng, tăng cường công tác quản lý, hạn chế thấp nhất việc xảy ra các sự cố.

Thực hiện cập nhật những thay đổi, cải tiến trong quá trình áp dụng, sửa đổi Sổ tay chất lượng theo cơ cấu của Công ty và ban hành vào năm 2010.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Năm 2009 là năm bản lề để Công ty triển khai thực hiện đầu tư một số dự án thủy điện với tổng công suất là 330 MW và tổng mức đầu tư khoảng 8.500 tỷ vào năm 2014. Do vậy, việc phát huy các nguồn vốn tích lũy hiện có của Công ty và nhu cầu vốn cho các năm tiếp theo phải thực hiện linh hoạt và đồng bộ. Việc huy động các nguồn từ bên ngoài: phát hành cổ phiếu, trái phiếu, vay trong nước và nước ngoài... phải đảm bảo lợi ích của cổ đông (cổ tức) và hiệu quả các dự án đầu tư. Công ty triển khai các kế hoạch như sau:

**4.1. Chiến lược đầu tư ngắn hạn:** nhằm mục đích tăng nhanh hiệu quả sản xuất kinh doanh của 2 nhà máy hiện có, bằng cách nâng thêm dung tích hồ chứa để tăng sản lượng điện cho các nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Đảm bảo cổ tức ổn định cho cổ đông khi phát hành tăng vốn điều lệ, để xây các dự án thủy điện mới như Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 2&3.

+ Dự án nâng cao hiệu quả khai thác hồ Sông Hinh: Lập dự án đầu tư trong năm 2009 và triển khai thực hiện năm 2010 và 2011. Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến là 70 tỷ, tăng thêm dung tích hồ chứa và tăng sản lượng điện phát cho nhà máy Sông Hinh.

**4.2. Chiến lược đầu tư dài hạn:** Triển khai thực hiện dự án Thượng Kon Tum (2009-2014); Vĩnh Sơn 2 (2010-2014); Vĩnh Sơn 3 (2009-2012).

**4.3. Chiến lược tài chính để phục vụ các dự án:**

- Năm 2009 tình hình tài chính của thế giới và trong nước chưa ổn định, việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu trong năm 2009-2010 khó thực hiện. Nên việc huy động vốn cho các dự án ngắn hạn và Vĩnh Sơn 3 thông qua vay vốn NH phát triển Bình Định.

- Dự kiến tình hình tài chính sẽ ổn định vào cuối năm 2010, Công ty phát hành trái phiếu khi dự án cần vốn vào năm 2011. Năm 2012 và 2013 Công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược và cổ đông hiện hữu. Việc phát hành cổ phiếu phải phù hợp để tái cơ cấu tài chính của Công ty đến năm 2014, tỷ lệ vốn vay trên vốn chủ là 40/60.

#### **IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được lập theo đúng quy định của pháp luật hiện hành (Bao gồm Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính). Cụ thể như sau:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**MÃ SỐ B 01-DN**  
**Đơn vị: VND**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.159.172.623.682</b>	<b>993.925.785.411</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>196.280.817.110</b>	<b>47.989.060.180</b>
1. Tiền	111		16.280.817.110	4.989.060.180
2. Các khoản tương đương tiền	112		180.000.000.000	43.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>785.685.326.000</b>	<b>825.685.326.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		785.685.326.000	825.685.326.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>156.617.456.520</b>	<b>99.349.590.941</b>
1. Phải thu khách hàng	131		107.228.003.552	60.323.574.046
2. Trả trước cho người bán	132		24.230.720.000	2.363.319.258
3. Các khoản phải thu khác	135		25.158.732.968	36.662.697.637
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>20.525.974.052</b>	<b>20.832.364.290</b>
1. Hàng tồn kho	141		28.491.663.562	26.026.668.899
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.965.689.510)	(5.194.304.609)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>63.050.000</b>	<b>69.444.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.550.000	25.344.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		44.500.000	44.100.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.421.776.973.968</b>	<b>1.489.324.555.639</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.406.167.435.180</b>	<b>1.478.057.271.097</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	1.279.345.161.357	1.421.966.826.897
- Nguyên giá	222		2.905.610.150.005	2.897.221.819.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.626.264.988.648)	(1.475.254.992.660)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	126.822.273.823	56.090.444.200
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13.537.609.715</b>	<b>9.968.708.390</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>11</b>	13.537.609.715	9.968.708.390
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.071.929.073</b>	<b>1.298.576.152</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		80.506.696	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.991.422.377	1.298.576.152
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.580.949.597.650</b>	<b>2.483.250.341.050</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>316.335.288.683</b>	<b>340.832.602.327</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>67.077.067.462</b>	<b>115.838.468.947</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	30.918.252.300	104.221.606.286
2. Phải trả người bán	312		5.885.617.641	1.307.578.287
3. Người mua trả tiền trước	313		-	155.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	19.457.067.987	6.942.257.508
5. Phải trả người lao động	315		4.129.042.662	2.114.960.684
6. Chi phí phải trả	316		1.199.417.868	956.067.682
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		5.487.669.004	140.998.500
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>249.258.221.221</b>	<b>224.994.133.380</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	14	249.066.753.336	224.812.990.511
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		191.467.885	181.142.869
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>2.264.614.308.967</b>	<b>2.142.417.738.723</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>2.261.115.671.822</b>	<b>2.141.119.982.272</b>
1. Vốn điều lệ	411		2.062.412.460.000	1.374.942.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	370.660.568.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.500.000.000	71.500.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.380.000.000	14.380.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		162.823.211.822	309.636.834.272
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>3.498.637.145</b>	<b>1.297.756.451</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2.122.125.601	677.236.047
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		1.376.511.544	620.520.404
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.580.949.597.650</b>	<b>2.483.250.341.050</b>

**Võ Thành Trung**  
**Tổng Giám đốc**  
*(Đã ký)*

**Huỳnh Công Hà**  
**Kế toán trưởng**  
*(Đã ký)*

**Lê Văn Chương**  
**Người lập**  
*(Đã ký)*

*Ngày 31 tháng 3 năm 2010*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2009	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	517.563.494.991	483.680.050.837
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		<b>517.563.494.991</b>	<b>483.680.050.837</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	184.900.669.469	177.684.637.332
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>332.662.825.522</b>	<b>305.995.413.505</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	82.105.273.259	100.549.005.370
7. Chi phí tài chính	22	19	19.279.794.670	26.545.200.871
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		6.514.304.722	10.620.290.844
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.921.002.929	10.168.033.018
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>380.567.301.182</b>	<b>369.831.184.986</b>
11. Thu nhập khác	31		105.551.110	71.590.905
12. Chi phí khác	32		5.895.455	21.066.364
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>99.655.655</b>	<b>50.524.541</b>
14. <b>Phần lợi nhuận trong công ty liên kết</b>	41		<b>6.477.581.325</b>	<b>324.965.572</b>
15. <b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>387.144.538.162</b>	<b>370.206.675.099</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		13.313.961.437	-
17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		692.846.225	738.576.152
18. <b>Lợi nhuận sau thuế</b>	60		<b>374.523.422.950</b>	<b>370.945.251.251</b>
19. Lãi trên cổ phiếu	70	20	1.816	1.799

**Võ Thành Trung**  
**Tổng Giám đốc**  
*(Đã ký)*

**Huỳnh Công Hà**  
**Kế toán trưởng**  
*(Đã ký)*

**Lê Văn Chương**  
**Người lập**  
*(Đã ký)*

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	387.144.538.162	370.206.675.099
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>		84.980.530.896	115.727.658.860
- Khấu hao tài sản cố định	02	151.512.205.909	151.291.990.918
- Các khoản dự phòng	03	2.771.384.901	3.194.304.609
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	12.765.489.948	15.133.838.102
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(88.582.854.584)	(64.512.765.613)
- Chi phí lãi vay	06	6.514.304.722	10.620.290.844
<i>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	472.125.069.058	485.934.333.959
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(54.586.630.853)	(28.476.418.221)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(2.464.994.663)	(664.853.811)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	7.647.256.970	(10.288.812.404)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(74.112.696)	423.033.621
- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.160.221.217)	(10.509.557.525)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.000.000	12.214.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.363.003.841)	(3.187.194.711)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	414.128.362.758	433.242.744.908
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(98.566.662.938)	(15.281.095.835)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	15.200.000	42.500.000
3. Tiền chi cho vay các đơn vị khác	23	(890.000.000.000)	(1.105.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24	930.000.000.000	790.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	101.933.966.192	64.920.948.041
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	43.382.503.254	(265.317.647.794)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	42.406.525.177	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(104.137.769.859)	(101.278.983.690)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(247.487.864.400)	(247.440.567.900)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(309.219.109.082)	(348.719.551.590)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	148.291.756.930	(180.794.454.476)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	47.989.060.180	228.783.514.656
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	196.280.817.110	47.989.060.180

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009*

**Thông tin bổ sung cho khoản mục phi tiền tệ:**

Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 6.291.859.404 VND là chi phí xây dựng phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 20.392.700.000 VND là số tiền ứng trước cho các nhà thầu nhưng chưa nghiệm thu giá trị công trình. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả, phải thu.

---

**Võ Thành Trung**  
**Tổng Giám đốc**  
*(Đã ký)*

---

**Huỳnh Công Hà**  
**Kế toán trưởng**  
*(Đã ký)*

---

**Lê Văn Chương**  
**Người lập**  
*(Đã ký)*

*Ngày 31 tháng 3 năm 2010*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (Viết theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (“Nhà máy”). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”).

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty có một công ty con sở hữu 100% là Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH và một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 125 người (31 tháng 12 năm 2008: 122 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng; dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện; tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công các dự án nhà máy thủy điện; tư vấn thiết kế công trình thủy lợi, giao thông và thủy điện; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và giao thông; thí nghiệm điện; kinh doanh vật tư, thiết bị trong lĩnh vực thủy điện; đầu tư xây dựng các dự án điện; kinh doanh bất động sản.



## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

##### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trọng báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Tài sản</b>	<b>Năm 2009</b> <b>(Số năm sử dụng)</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

##### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### **Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

##### **Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

##### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của EVN. Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

### **Chi phí đi vay**

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 130/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006, Công văn số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004, và Công văn số 1591/TC/ĐNHN của Tổng Cục thuế ngày 4 tháng 5 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi thành lập. Công ty được miễn thuế trong 6 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ năm kinh doanh có lãi nên Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Tiền mặt	358.060.981	265.438.462
Tiền gửi ngân hàng	15.922.756.129	4.723.621.718
Các khoản tương đương tiền (i)	180.000.000.000	43.000.000.000
	<u>196.280.817.110</u>	<u>47.989.060.180</u>

(i): Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng hoặc dưới 3 tháng.

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	30.685.326.000	30.685.326.000
Đầu tư ngắn hạn khác:	755.000.000.000	795.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	150.000.000.000	175.000.000.000
- Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vay (ii)	500.000.000.000	500.000.000.000
- Ủy thác đầu tư	-	35.000.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác (iii)	105.000.000.000	85.000.000.000
	<u>785.685.326.000</u>	<u>825.685.326.000</u>

(i) Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, số lượng cổ phiếu Công ty sở hữu là 3.011.866 cổ phiếu.

(ii) Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay với lãi suất 8%/năm áp dụng trong suốt năm 2009, kỳ hạn 12 tháng tính từ ngày giải ngân. Hợp đồng cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 26 tháng 9 năm 2010.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.*

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(iii) Các khoản đầu tư ngắn hạn khác, bao gồm:

- Ủy thác cho Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực quản lý 85.000.000.000 VND. Trong đó khoản thứ nhất với giá trị 35.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 9 tháng 12 năm 2010, lãi suất cố định 10,2%/năm; khoản thứ hai với giá trị 25.000.000.000 VND, kỳ hạn 6 tháng, đáo hạn vào ngày 29 tháng 01 năm 2010, lãi suất cố định 8%/năm, khoản thứ ba có giá trị là 25.000.000.000 VND, kỳ hạn 06 tháng, đáo hạn vào ngày 3 tháng 2 năm 2010, lãi suất cố định 8%/năm.
- Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) với số tiền là 20.000.000.000 VND, kỳ hạn 3 tháng, đáo hạn vào ngày 2 tháng 03 năm 2010, lãi suất cố định là 9,5%/năm.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	27.652.793.979	25.444.965.443
Công cụ, dụng cụ	3.230.000	120.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	835.639.583	581.583.456
	<u><b>28.491.663.562</b></u>	<u><b>26.026.668.899</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.965.689.510)	(5.194.304.609)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u><b>20.525.974.052</b></u>	<u><b>20.832.364.290</b></u>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho giá trị vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp theo hướng dẫn của Tập đoàn Điện lực đặc thù áp dụng cho ngành điện.



**Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh**  
**Báo cáo thường niên năm 2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo) **MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.*

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2009	2.047.298.356	826.438.563	1.836.984	21.647.916	2.897.221.819
Tăng trong năm	-	909.112	5.436.862	2.723.251	9.069.225
Thanh lý, nhượng bán	-	(30.550)	(242.760)	(400.000)	(673.310)
Giảm khác	-	-	(7.584)	-	(7.584)
Tại ngày 31/12/2009	2.047.298.356	827.317.125	7.023.502	23.971.167	2.905.610.150
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2009	(842.940.825)	(613.844.242)	(1.344.030)	(17.125.895)	(1.475.254.992)
Khấu hao trong năm	(68.125.610)	(82.082.552)	(143.899)	(1.160.145)	(151.512.206)
Tăng khác	-	-	(52.690)	(118.411)	(171.101)
Thanh lý, nhượng bán	-	30.550	242.760	400.000	673.310
Tại ngày 31/12/2009	(911.066.435)	(695.896.244)	(1.297.859)	(18.004.451)	(1.626.264.989)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2009	1.136.231.921	131.420.881	5.725.643	5.966.716	1.279.345.161
Tại ngày 31/12/2008	1.204.357.531	212.594.321	492.954	4.522.021	1.421.966.827

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 21.274.032.589 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 21.529.694.095 VND).

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	2009	2008
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	56.090.444.200	42.041.165.685
Tăng	75.823.665.371	17.227.226.117
Kết chuyển vào chi phí sửa chữa thường xuyên	(5.091.835.748)	(3.177.947.602)
Tại ngày 31 tháng 12	<b>126.822.273.823</b>	<b>56.090.444.200</b>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Công trình hồ C Thủy điện Vĩnh Sơn (i)	5.374.696.606	5.374.696.606
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (ii)	105.860.953.965	42.080.661.024
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 (iii)	13.532.335.191	8.009.606.020
Dự án Thủy điện Đồng Cam (iv)	180.645.860	180.645.860
Dự án nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn (v)	579.241.872	444.834.690
Cắm mốc hành lang bảo vệ hồ chứa -NM Vĩnh Sơn (vi)	1.293.620.329	-
Nâng cấp hồ Sông Hinh	780.000	-
	<b>126.822.273.823</b>	<b>56.090.444.200</b>

## **9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG (Tiếp theo)**

- (i) Theo Quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi số 14/QĐ-EVN-HĐQT-TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2002 của EVN, “Công trình hồ C Thủy điện Vĩnh Sơn” này được xây dựng trên nhánh sông Đăkđinhdong (thượng nguồn sông Ba) thuộc địa phận xã Đăkroong, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, với tổng mức đầu tư là 217.100.000.000 VND. Nhiệm vụ của công trình là chuyển nước điều tiết từ hồ C trên thượng nguồn sông Ba sang hồ B hiện có của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn nhằm nâng cao năng lực sản xuất và làm gia tăng sản lượng điện trung bình hàng năm của Nhà máy này thêm 78,2 triệu KWh. Công ty đã hạch toán tạm tăng tài sản cố định với giá trị là 128.000.000.000 VND và đưa vào sử dụng điều tiết nước từ hồ B sang hồ C trong năm 2007.
- (ii) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện KôngPlông, tỉnh Kon Tum; và nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kông Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng KonTum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 1 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính Phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32EVN/HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2006 của EVN; Ban Quản lý Thủy điện 4 đại diện cho EVN đã bàn giao lại toàn bộ các hồ sơ pháp lý, kỹ thuật, tài chính liên quan đến công trình theo Công văn số 6421/CV-EVN-KH ngày 29 tháng 11 năm 2006 của EVN và Biên bản bàn giao đề ngày 1 tháng 1 năm 2007. Công ty đã chuyển trả lại EVN toàn bộ số tiền mà EVN đã chi trả trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án này từ năm 2002 đến năm 2006 với số tiền là 19.330.450.930 VND.
- (iii) Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3: UBND tỉnh Bình định đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 7 tháng 11 năm 2007. Công ty đã hoàn thành việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình, đã tổ chức thẩm định hồ sơ dự án và đã trình Bộ Công thương xem xét thỏa thuận thiết kế cơ sở của dự án. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Quyết định số 1711/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 8 năm 2008 phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.
- (iv) Dự án thủy điện Đồng Cam: Đây là dự án đang ở bước lập quy hoạch và đăng ký đầu tư theo trình tự xây dựng cơ bản. Hiện nay, địa phương đang xem xét quy hoạch tổng thể về cấp nước các khu kinh tế nam Phú Yên.
- (v) Dự án nâng cao năng lực hồ chứa Vĩnh Sơn: Dự án đang tiến hành các bước khảo sát để lập dự án đầu tư.
- (vi) Cấm mốc hành lang bảo vệ hồ chứa - NM Vĩnh Sơn: Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 9 tháng 7 năm 2009, Hội đồng Quản trị đã nhất trí phê duyệt đề cương khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật cho Dự án nâng cao hiệu quả khai thác hồ B+C, Thủy điện Vĩnh Sơn. Tới thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, về cơ bản công trình này đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán chính thức.

**Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh**  
**Báo cáo thường niên năm 2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (Tiếp theo) **MÀU SÓ 3 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty con đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là khoản đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỉ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	100%	100%	Tư vấn và dịch vụ kỹ thuật

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỉ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch khách sạn, lữ hành

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Tổng tài sản của công ty liên kết	29.460.572.340	22.812.179.962
Tổng công nợ của công ty liên kết	2.232.877.820	2.762.484.890
Tài sản thuần	<u>27.227.694.520</u>	<u>20.049.695.072</u>
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	13.537.609.715	9.968.708.390
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại công ty liên kết	19.500.000.000	19.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần của công ty liên kết	600.000.000	600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu tại công ty liên kết	5.241.197	6.341.197
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của công ty liên kết	7.122.273.323	(56.646.125)
	<u>2009</u>	<u>2008</u>
	VND	VND
Doanh thu của công ty liên kết	14.001.155.439	18.736.839.357
Lợi nhuận thuần của công ty liên kết	13.185.843.468	2.237.230.393
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	6.477.581.325	324.965.572

**Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh**  
**Báo cáo thường niên năm 2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo) **MÃU SỐ B 99-EN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản cáo tài chính hợp nhất kèm theo.*

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Yên	-	31.232.323.296
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên	21.332.072.186	72.989.282.990
Chi nhánh Quy Nhơn - Ngân hàng VIBank	9.586.180.114	-
	<u><b>30.918.252.300</b></u>	<u><b>104.221.606.286</b></u>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.176.191.306	4.946.495.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	13.313.961.437	-
Thuế tài nguyên	1.813.656.868	1.415.713.755
Thuế thu nhập cá nhân	153.258.376	580.048.161
	<u><b>19.457.067.987</b></u>	<u><b>6.942.257.508</b></u>

(\*): Công ty sử dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức ưu đãi thuế, cụ thể: từ năm 2005 đến năm 2010 là 0%; từ năm 2011 đến năm 2016 là 5%; từ năm 2017 là 25%. Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, hoạt động khác không phải là hoạt động kinh doanh chính không thuộc đối tượng ưu đãi thuế và chịu mức thuế suất là 25%. Năm 2009, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Yên (i)	-	31.232.323.296
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên (ii)	237.578.480.460	297.802.273.501
Chi nhánh Quy Nhơn - Ngân hàng VIBank (iii)	42.406.525.176	-
	<u><b>279.985.005.636</b></u>	<u><b>329.034.596.797</b></u>

(i): Khoản vay được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (“Nhà máy”) khi chuyển sang công ty cổ phần. Trước đó, Nhà máy nhận nợ khoản vay này từ Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hinh đồng thời khi nhận bàn giao Nhà máy Thủy điện Sông Hinh theo Quyết định số 279/QĐ-EVN-HĐQT ngày 5/8/2004 của Hội đồng Quản trị của EVN, về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Nhà máy Thủy điện Sông Hinh. Khoản vay được ký kết theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2000/HĐ (số đăng ký tại Ngân hàng 01/0075) ngày 14/08/2000 giữa Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Yên (bên cho vay) và Ban Quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hinh (bên đi vay).

Khoản vay có thời hạn 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất 5,4%/năm (hiệu lực từ ngày 01/06/2001). Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào tháng 07/2003, nợ gốc được trả hàng quý và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay này đã được thanh toán hết trong năm 2009.

#### **14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(ii): Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (“Nhà máy”) khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hinh, với tổng số tiền nhận nợ là 34.654.946,2 USD, bao gồm các khoản:

- Vay tổ chức SIDA Thụy Điển số tiền là 15.551.457,45 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả đều trong 5 năm (từ năm 2005 đến năm 2009), mỗi năm hai lần vào ngày 31/3 và 30/9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 1.555.145,75 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2005, kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 30 tháng 9 năm 2009. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 9%/năm. Nợ gốc của khoản vay này đã được thanh toán hết trong năm 2009.
- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ bằng 2% trên tổng số vốn gốc (tức là 83.783,01 USD/kỳ); và bằng 4% trên tổng số vốn gốc (tức là 167.566,02 USD/kỳ) trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035. Lãi suất nợ vay quá hạn là 3%/năm.
- Vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) số tiền là 10.725.187,27 USD với lãi suất bằng lãi suất LIBOR cộng 1,35% áp dụng từ ngày 31 tháng 3 năm 2009 cho tới ngày tiếp theo của kỳ điều chỉnh lãi suất (ngày 31 tháng 3 năm 2012); mức lãi suất cụ thể sẽ do NIB thông báo theo từng thời điểm. Phí quản lý vốn vay là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả đều trong 10 năm (từ 2005 đến 2015), mỗi năm 2 lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 510.723,21 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2005 và kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2015. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 9%/năm.

(iii): Các khoản vay từ Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (“VIB”) bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 0021/HDDTD2-VIB412-09 ngày 30 tháng 6 năm 2009, hạn mức tín dụng là 50 tỷ VND, lãi suất được thay đổi 12 tháng 1 lần và bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu là 0,65%/năm (chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ). Nợ gốc được thanh toán 6 tháng/lần bắt đầu từ tháng thứ 18.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- Hợp đồng tín dụng số 0025/HDDTD2-VIB412-09 ngày 24 tháng 9 năm 2009, hạn mức tín dụng là 20 tỷ VND, lãi suất được thay đổi 12 tháng 1 lần và bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu là 0,65%/năm (chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ). Nợ gốc được thanh toán 6 tháng/lần kể từ ngày nhận nợ đầu tiên.

**Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	30.918.252.300	104.221.606.285
Trong năm thứ hai	54.152.417.247	20.185.864.194
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	63.996.216.558	60.557.592.582
Sau năm năm	130.918.119.531	144.069.533.736
	<u>279.985.005.636</u>	<u>329.034.596.797</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn, xem thuyết minh 12)	30.918.252.300	104.221.606.286
Số phải trả sau 12 tháng	<u><b>249.066.753.336</b></u>	<u><b>224.812.990.511</b></u>

## 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2008</b>	1.374.942.580.000	370.660.568.000	-	14.380.000.000	260.966.233.547	2.020.949.381.547
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	370.945.251.251	370.945.251.251
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(247.489.664.400)	(247.489.664.400)
Trích lập các quỹ	-	-	71.500.000.000	-	(74.112.600.000)	(2.612.600.000)
Chi khác	-	-	-	-	(672.386.126)	(672.386.126)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2009</b>	1.374.942.580.000	370.660.568.000	71.500.000.000	14.380.000.000	309.636.834.272	2.141.119.982.272
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	374.523.422.950	374.523.422.950
Tăng vốn điều lệ (i)	687.469.880.000	(370.660.568.000)	(50.000.000.000)	-	(266.809.312.000)	-
Cổ tức đã trả (ii)	-	-	-	-	(247.489.664.400)	(247.489.664.400)
Trích lập các quỹ (iii)	-	-	-	-	(3.796.728.000)	(3.796.728.000)
Chi khác (iii)	-	-	-	-	(3.241.341.000)	(3.241.341.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2009</b>	<b>2.062.412.460.000</b>	-	<b>21.500.000.000</b>	<b>14.380.000.000</b>	<b>162.823.211.822</b>	<b>2.261.115.671.822</b>

(i): Trong năm, Công ty thực hiện việc tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu thường. Vốn điều lệ tăng trong năm được lấy từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối.

(ii): Chia cổ tức đợt hai năm 2008 với tỷ lệ 18% (trong đó số đã tạm thanh toán năm 2008 là 10%) theo Nghị quyết số 292/2009/NQ-VSHPC-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009. Đồng thời tạm chia cổ tức năm 2009 với tỷ lệ 10% theo Nghị quyết số 565/2009/NQ-VSH-HĐQT ngày 9 tháng 7 năm 2009 của Phiên họp Hội đồng Quản trị thường kỳ lần 3 năm 2009.

(iii) Theo các Nghị quyết số 292/2009/NQ-VSHPC-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 và Nghị quyết số 35/2010/NQ-VSH-HĐQT ngày 18 tháng 1 năm 2010 của phiên họp Hội đồng Quản trị thường kỳ lần 1 năm 2010, các quỹ bao gồm Quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thường Ban điều hành được trích lập với số tiền tương ứng là 2.841.348.000 VND, 2.741.341.000 VND, 500.000.000 VND.

## 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

### Cơ cấu góp vốn

	31/12/2009		31/12/2008	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	30,55	630.169.054.175	30,55	420.112.990.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	494.978.961.600	24,00	329.986.200.000
Cổ đông khác	45,45	937.264.444.225	45,45	624.843.390.000
	<b>100,00</b>	<b>2.062.412.460.000</b>	<b>100,00</b>	<b>1.374.942.580.000</b>

## 16. DOANH THU

	2009	2008
	VND	VND
Doanh thu bán điện	516.645.504.400	482.691.689.892
Doanh thu dịch vụ khác	917.990.591	988.360.945
	<b>517.563.494.991</b>	<b>483.680.050.837</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, ngày 30 tháng 3 năm 2010, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT thông qua phương án giá mua điện bình quân năm 2009 của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là 563 đồng/kWh. Căn cứ vào Nghị quyết này, Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang làm thủ tục ký phụ lục của hợp đồng mua bán điện số 05-2005 EVN/VSHPC-IPP theo đó giá điện trong năm 2009 là 476 đồng/kWh cho mùa mưa (từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 9) và 580 đồng/kWh cho mùa khô (thời gian còn lại của năm). Công ty ghi nhận doanh thu năm 2009 theo đơn giá của phụ lục hợp đồng này.

## 17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2009	2008
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	184.327.630.087	176.927.623.702
Giá vốn hoạt động khác	573.039.382	757.013.630
	<b>184.900.669.469</b>	<b>177.684.637.332</b>

## 18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2009	2008
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.108.140.799	2.712.567.515
Chi phí nhân công	13.307.377.390	9.223.810.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	151.507.122.140	151.291.267.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.534.993.713	4.436.798.872
Chi phí khác	25.618.094.483	19.992.282.034
	<b>200.075.728.525</b>	<b>187.656.726.598</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc cùng đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**19. DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2009	2008
	VND	VND
<b>Doanh thu tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng	82.021.436.833	98.963.535.247
Cổ tức được chia	-	1.505.933.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	83.836.426	79.537.123
	<u>82.105.273.259</u>	<u>100.549.005.370</u>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	6.514.304.722	10.620.290.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.765.489.948	15.133.838.102
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	791.071.925
	<u>19.279.794.670</u>	<u>26.545.200.871</u>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động tài chính</b>	<u><b>62.825.478.589</b></u>	<u><b>74.003.804.499</b></u>

**20. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

	2009	2008
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	374.523.422.950	370.945.251.251
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	206.241.246	206.241.246
Lãi trên cổ phiếu	<u><b>1.816</b></u>	<u><b>1.799</b></u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15, trong năm Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu thưởng. Số lượng cổ phiếu thưởng này được coi như tăng từ đầu năm. Số lượng cổ phiếu bình quân cho năm 2008 cũng được điều chỉnh tương ứng.

**21. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Ngày 24 tháng 6 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng số 498/2009/VSH-ALSTOM với Công ty Alstom Hydro France về việc mua 01 bánh xe công tác (thiết bị đặc chủng) và 04 gáo dự phòng thay thế thiết bị sử dụng trong nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn. Giá trị hợp đồng là 610.000 EUR, tương đương 14.392.028.900 VND. Thiết bị sẽ được bàn giao cho Công ty sau 16 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã ứng trước cho Công ty Alstom Hydro France 20% giá trị hợp đồng tương đương với 122.000 EUR.

Ngày 6 tháng 2 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng liên doanh số 89/2009/HĐ-VSHPC-LD với 03 nhà thầu là Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý công trình giao thông vận tải Kon Tum, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại Tiến Dũng và Công ty Cổ phần công trình giao thông vận tải Quảng Nam về việc thi công đường vào công trình đầu mối từ Km2 + 500 - Km20 thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Giá trị hợp đồng là 44.768.126.000 VND, giá trị công trình đã nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 36.734.002.714 VND.

Ngày 4 tháng 9 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng số 772/2009/HĐ-VSH-Vimeco-Vina CTN với Công ty Cổ phần Vimeco và Công ty CP Đầu tư XD Công trình ngầm Việt Nam về việc thi công cửa nhận nước và đoạn đầu đường hầm dẫn nước thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum. Giá trị hợp đồng là 124.014.274.000 VND. Tới thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã tạm thanh toán cho các nhà thầu theo điều khoản thanh toán quy định trong hợp đồng với số tiền là 18.814.500.000 VND.

**Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh**  
**Báo cáo thường niên năm 2009**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-ĐN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>2009</u>	<u>2008</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
Bán điện cho Công ty mua bán điện	516.645.504.400	482.691.689.892
Lãi cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	40.856.811.265	-
Lãi ủy thác đầu tư tại Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	6.201.222.230	-
<b>Cổ tức</b>		
Trả cổ tức cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam	75.620.338.200	135.017.854.200
Trả cổ tức cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	59.397.516.000	-
Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	2.908.680.000	775.648.000
<b>Đầu tư</b>		
Ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý vốn	110.000.000.000	35.000.000.000
Cho vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	500.000.000.000	500.000.000.000

*Số dư với các bên liên quan:*

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	VND	VND
Phải thu Công ty mua bán điện	107.123.294.902	60.215.025.046
Số dư cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	500.000.000.000	500.000.000.000
Vốn ủy thác cho Công ty CP Tài chính Điện lực quản lý	85.000.000.000	35.000.000.000

**Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2009</u>	<u>2008</u>
	VND	VND
Lương	859.134.775	852.144.715

**23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 3 năm 2010, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT thông qua phương án giá mua điện bình quân năm 2009 của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là 563 đồng/kWh. Căn cứ vào Nghị quyết này, Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang làm thủ tục ký phụ lục của Hợp đồng mua bán điện số 05-2005 EVN/VSHPC-IPP theo đó giá điện trong năm 2009 là 476 đồng/kWh cho mùa mưa (từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 9) và 580 đồng/kWh cho mùa khô (thời gian còn lại của năm).

**24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

## **V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

### **1. Kiểm toán độc lập:**

\* Đơn vị kiểm toán độc lập: **Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.**

Địa chỉ số 8 Phạm Ngọc Thạch – Quận Đống Đa – TP Hà Nội

Tel: +84 4 8524123

Fax: +84 4 8524143

\* Ý kiến kiểm toán độc lập:

Số: 227 /Deloitte-AUDHP-RE

### **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc và các cổ đông Công ty Cổ Phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

## **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Trần Thị Thúy Ngọc**

**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*

**Nguyễn Tuấn Anh**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số

N.1291/KTV

**C TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 29 tháng 03 năm 2010*

*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

\* Các nhận xét đặt biệt: Không.

### **2. Kiểm toán nội bộ:**

\* Ý kiến của kiểm toán nội bộ:

- Sổ sách, chứng từ tại công ty được quản lý, lưu trữ đầy đủ và khoa học.
- Công ty thực hiện theo dõi hạch toán riêng cho hai hệ thống kế toán: kế toán sản xuất kinh doanh và kế toán xây dựng cơ bản và tiến hành hợp nhất báo cáo của hai hệ thống trên.
- Công ty theo dõi, hạch toán riêng các khoản nợ vay, các khoản chi cho hoạt động đầu tư của các dự án để đảm bảo tính độc lập của các dự án.
- Đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.
- Hạch toán các khoản lãi vay, phân bổ các khoản trả trước dài hạn như công cụ, dụng cụ vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định.
- Đã đánh giá lại số dư ngoại tệ tại các khoản công nợ phải thu - phải trả tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Đã hạch toán theo chế độ dự thu dự chi, cụ thể: doanh thu từ việc sản xuất kinh doanh điện đã ghi nhận theo đúng thời điểm (vào ngày cuối cùng của các tháng), các chi phí phải trả như: lãi vay được trích trước và hạch toán vào chi phí các tháng.
- Đã thực hiện trích khấu hao theo đúng phương pháp đường thẳng, đảm bảo tính nhất quán cho về cách hạch toán chi phí trong kỳ.
- Đã thực hiện mua bảo hiểm tài sản.

\* Các nhận xét đặt biệt: Không

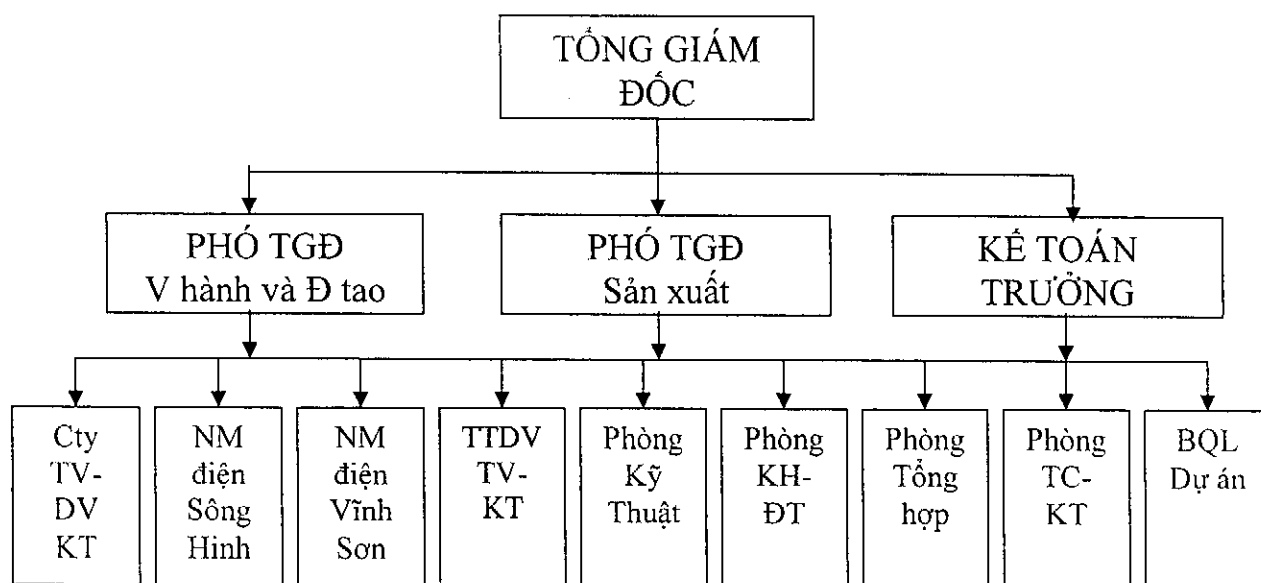
## VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

\* Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty: Không.

\* Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ: Công ty TNHH MTV Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH (Công ty nắm giữ 100% vốn cổ phần)

## VII. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

\* Cơ cấu tổ chức của Công ty:



\* Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

### 1. Ông Nguyễn Văn Thanh - Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác:
  - 07/1992-08/1994: Cán bộ kỹ thuật Ban quản lý công trình thủy điện Vĩnh Sơn.
  - 08/1994-07/2005: Phó phòng Kỹ thuật/ Trưởng phòng Kỹ thuật – Sản xuất Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn.
  - 08/2005 – 04/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.
  - 04/2009 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

**2. Ông Võ Thành Trung - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc**

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1967
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
  - 12/1988-10/1994: Kế toán tổng hợp Ban QLDA công trình thủy điện Vĩnh Sơn.
  - 10/1994-4/2005: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh.
  - 4/2005 – 4/2008: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh
  - 5/2008 - nay: Tổng Giám đốc công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

**3. Ông Hoàng Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc vận hành và Đào tạo**

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Vận hành và Đào tạo
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1968
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:
  - 8/1992-8/1994: Cán bộ kỹ thuật Ban chuẩn bị sản xuất Ban quản lý công trình thủy điện Vĩnh Sơn
  - 9/1994-12/2000: Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
  - 1/2001-9/2003: Phó quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
  - 10/2003-6/2005: Quản đốc phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
  - 7/2005-11/2009: Trưởng khu vực Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
  - 12/2009-nay: Phó Tổng Giám đốc vận hành và đào tạo Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn- Sông Hinh

**4. Ông Dương Tấn Tường - Phó Tổng Giám đốc sản xuất**

- Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng Giám đốc sản xuất
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	1976
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
- Quá trình công tác:	
1999-2000	Cán bộ kỹ thuật, P.Kỹ thuật Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh
2000-2001	Trưởng ca vận hành Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn
2001-2006	Chuyên viên kỹ thuật phụ trách công tác sửa chữa, bảo dưỡng 2 nhà máy Vĩnh Sơn và Sông Hinh
3/2007-7/2008	Phó Trung tâm dịch vụ tư vấn kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh
8/2008-3/2009	Phó phòng Kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh
4/2009-12/2009	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh
1/2010-nay	Phó Tổng Giám đốc sản xuất Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh

\* Thay đổi Tổng Giám đốc trong năm: Không

\* Quyền lợi của Ban Giám đốc:

- Tổng tiền lương: 859.134.775 đồng
- Tổng tiền thưởng: 122.627.445 đồng

\* Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2009: 125 người

\* **Chính sách đối với người lao động:**

- **Chính sách tuyển dụng và đào tạo:**

**Tuyển dụng:** Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và quy mô hoạt động của Công ty, hàng năm Công ty đều có chủ trương tuyển dụng lao động với mục tiêu là tuyển chọn được lao động có trình độ và năng lực chuyên môn phù hợp với từng vị trí làm việc tại Công ty. Tùy theo từng vị trí công việc cụ thể mà Công ty có những tiêu chuẩn riêng nhưng tất cả các vị trí đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như tốt nghiệp đại học, cao học chuyên ngành, có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và yêu thích công việc, ham học hỏi và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng việc tuyển dụng cần phải chặt chẽ hơn với các yêu cầu cao hơn như kinh nghiệm công tác, năng lực phân tích và tổng hợp, khả năng tác nghiệp độc lập, trình độ ngoại ngữ và tin học...

**Đào tạo:** Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên trong Công ty, thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

**Thu hút nhân tài:** Ngoài ra, Công ty còn có những chính sách đãi ngộ đặc biệt về lương, thưởng và các chế độ ưu đãi khác dành cho những cán bộ, nhân viên giỏi nhằm tập hợp, thu hút nguồn nhân lực có năng lực giỏi, trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Công ty.

**- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**

**Chính sách lương:** Chính sách lương của Công ty được xây dựng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động. Mục tiêu của Công ty là đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, tiền lương phải phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Do vậy, cán bộ nhân viên trong Công ty ngoài việc được hưởng lương chế độ quy định của nhà nước còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.

**Chính sách thưởng:** Với mục đích động viên, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong Công ty hăng hái tích cực trong công việc, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả công việc, ngoài chính sách khen thưởng định kỳ hàng năm cho người lao động, Công ty còn có chủ trương khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc công việc được giao hoặc có những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý... đem lại những hiệu quả thiết thực cho kết quả hoạt động chung của toàn Công ty.

**Phúc lợi:** Hàng năm cán bộ nhân viên Công ty ngoài việc được hưởng các chế độ phúc lợi vào các dịp lễ, tết còn được Công ty quan tâm tổ chức cho tham quan nghỉ dưỡng trong và ngoài nước. Ngoài ra, Công ty còn trích quỹ phúc lợi để thăm hỏi cán bộ nhân viên và gia đình khi có việc riêng như ma chay, cưới hỏi, đau ốm...

Ngoài các chính sách trên, Công ty còn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất như thời gian, kinh phí... để cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên...)

**\* Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:**

**+ Hội đồng quản trị:**

- Ông Nguyễn Văn Thanh: Chủ tịch – Bổ nhiệm ngày 17/04/2009 thay cho ông Nguyễn Đức Đối nghỉ hưu theo quy định.

- Ông Nguyễn Đức Đối: Ủy viên – Miễn nhiệm vị trí Chủ tịch ngày 17/04/2009.

- Ông Nguyễn Việt Thắng: Ủy viên – Bổ nhiệm ngày 17/04/2009.

- Bà Đặng Thị Hồng Phương: Ủy viên – Miễn nhiệm ngày 17/04/2009.



**+ Ban kiểm soát:**

- Ông Nguyễn Xuân Việt Anh – Bổ nhiệm ngày 17/04/2009
- Ông Phan Văn Nguyễn – Miễn nhiệm ngày 17/04/2009

**+ Ban Giám đốc:**

- Ông Hoàng Anh Tuấn: Phó Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 01/12/2009
- Ông Dương Tấn Tường: Phó Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm ngày 01/01/2010
- Ông Nguyễn Văn Thanh: Phó Tổng Giám Đốc – Miễn nhiệm ngày 01/12/2009
- Ông Đỗ Phong Thu: Phó Tổng Giám đốc – Miễn nhiệm ngày 01/06/2009

**+ Kế toán trưởng:**

- Ông Huỳnh Công Hà: Kế toán trưởng – Bổ nhiệm ngày 01/07/2009

## **VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:**

### **1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

**\* Thành phần Hội đồng quản trị:**

- Ông Nguyễn Văn Thanh - Chủ tịch HĐQT
- Ông Võ Thành Trung - Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Đức Đồi - Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Việt Thắng - Ủy viên HĐQT
- Ông Trịnh Văn Tuấn - Ủy viên HĐQT

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập không điều hành.

**\* Thành phần Ban kiểm soát:**

- Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Trưởng BKS
  - Ông Trịnh Phi Anh – Thành viên BKS
  - Ông Nguyễn Xuân Việt Anh – Thành viên BKS
- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: gồm 03 người đều là thành viên độc lập không điều hành.

**\* Thành phần Ban Giám đốc:**

- Ông Võ Thành Trung – Tổng Giám đốc
- Ông Hoàng Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc
- Ông Dương Tấn Tường – Phó Tổng Giám đốc

**\* Hoạt động của HĐQT:**

Trong năm qua, HĐQT đã tiến hành họp thường kỳ 04 lần, lấy biểu quyết qua thư 04 lần, tổ chức thành công ĐHCĐ bất thường lấy ý kiến bằng văn bản 01 lần, thực hiện những nhiệm vụ theo chức năng và quyền hạn được quy định. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm qua đã tập trung vào các vấn đề sau:

1) Bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, trong các cuộc họp đều có kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ từng quý và đề ra nhiệm vụ công tác cho quý sau phù hợp với các nhiệm vụ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Đã điều chỉnh kịp thời trong việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp với diễn biến thị trường.

2) Triển khai đầu tư xây dựng: luôn thực hiện bám sát tiến độ của dự án và các quy định của pháp luật, bảo vệ lợi ích của Công ty, cổ đông. Đồng thời, vẫn tích cực thúc đẩy công tác chuẩn bị đầu tư các dự án chưa phê duyệt để có thể triển khai được ngay sau khi đủ điều kiện.

3) Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế phục vụ công tác quản trị và điều hành các hoạt động của công ty.

4) Thành lập Công ty TNHH MTV Tư vấn và dịch vụ kỹ thuật VSH (TVDV VSH) nhằm mục đích phục vụ các dự án đầu tư lớn của Công ty VSH như: Thượng Kon Tum, Vĩnh Sơn 2 và 3 đang bắt đầu triển khai xây dựng; Đẩy nhanh tiến độ các dự án, giảm thiểu chi phí các dịch vụ kỹ thuật như: Thiết kế, giám sát, lập dự toán... Chủ động nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm phục vụ các dự án; Mở rộng ngành nghề kinh doanh, đáp ứng nhu cầu ngày một phát triển có tính chất bền vững của Công ty VSH. Hiện nay Công ty TVDV có 19 người.

5) Thành lập Ban QLDA các công trình cải tạo, mở rộng và nâng cấp các hồ chứa thuộc Công ty VSH do nguồn nhân lực trong Công ty kiêm nhiệm để thực hiện hai dự án nâng cao năng lực khai thác hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hình.

6) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty.

**\* Hoạt động của Ban kiểm soát:**

1. Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật, như: thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, và các nghĩa vụ tài chính khác.

2. Giám sát việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty.

3. Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin theo quy định để đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư.

4. Định kỳ kiểm tra Báo cáo tài chính của Công ty, xem xét tính hợp lý của quy trình hoạt động, quy trình luân chuyển chứng từ kế toán.

5. Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị trong các vấn đề: tổng kết và xác lập kế hoạch, chỉ định công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, bàn bạc thực hiện chủ trương sản xuất kinh doanh...

**\* Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty:**

Hiệu quả hoạt động của Công ty đã tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2008, 2009 và sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh hơn nữa trong năm 2010 và những năm tiếp theo. Để đảm bảo tăng trưởng bền vững, hoạt động quản trị Công ty sẽ tập trung thực hiện tốt các giải pháp liên quan đến các lĩnh vực hoạch định chiến lược, đào

tạo nhân lực, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, quản lý rủi ro với mục tiêu là xây dựng nền tảng vững chắc giữ vững niềm tin và đảm bảo lợi ích lâu dài cho cổ đông.

**\* Thù lao và các lợi ích khác của thành viên HĐQT, BKS:**

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết Đại hội đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 thông qua. Hội đồng Quản trị công ty đã có Quyết nghị tại cuộc họp ngày 14/04/2010 về thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền thưởng Ban điều hành năm 2009. Theo Nghị quyết thì thù lao cho Hội đồng Quản trị được trích bằng 0,4% lợi nhuận trước thuế và thù lao Ban Kiểm soát bằng 10% thù lao Hội đồng quản trị. HĐQT đã duyệt chi thù lao, tiền thưởng 2009 như sau:

- Ông Nguyễn Văn Thanh, Chủ tịch HĐQT: (bổ nhiệm ngày 17/04/2009):
  - + Thù lao: 571,200 triệu đồng/năm
  - + Tiền thưởng Ban điều hành: 110,000 triệu đồng/năm
  - + Tổng thu nhập: 681,200 triệu đồng/năm
- Ông Võ Thành Trung, Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc:
  - + Tiền lương: 252,000 triệu đồng/năm
  - + Thù lao: 346,000 triệu đồng/năm
  - + Tiền thưởng Ban điều hành: 100,000 triệu đồng/năm
  - + Tổng thu nhập: 698,000 triệu đồng/năm
- Ông Nguyễn Đức Đối, Ủy viên Hội đồng Quản trị:
  - + Tiền thù lao: 384,000 triệu đồng/năm
  - + Tiền thưởng Ban điều hành: 100,000 triệu đồng/năm
  - + Tổng thu nhập: 484,000 triệu đồng/năm
- Ông Trịnh Văn Tuấn, Ủy viên Hội Đồng Quản trị:
  - + Thù lao: 120,000 triệu đồng/năm
  - + Tiền thưởng Ban điều hành: 50,000 triệu đồng/năm
  - + Tổng thu nhập: 170,000 triệu đồng/năm
- Ông Nguyễn Việt Thắng, Ủy viên Hội Đồng Quản trị: (Bổ nhiệm ngày 17/04/2009)
  - + Thù lao: 90,000 triệu đồng/năm
  - + Tiền thưởng Ban điều hành: 50,000 triệu đồng/năm
  - + Tổng thu nhập: 140,000 triệu đồng/năm
- Bà Đặng Thị Hồng Phương, Ủy viên HĐQT: (Miễn nhiệm ngày 17/04/2009)
  - + Thù lao: 30,000 triệu đồng/năm
  - + Tổng thu nhập: 30,000 triệu đồng/năm

**Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh**  
**Báo cáo thường niên năm 2009**

- Bà Nguyễn Thị Thu Hà, Trưởng BKS:

+ Thù lao: 60,000 triệu đồng/năm  
 + Tiền thưởng Ban điều hành: 45,000 triệu đồng/năm  
 + Tổng thu nhập: 105,000 triệu đồng/năm

- Ông Phan Văn Nguyễn, Ủy viên Ban Kiểm soát: (Miễn nhiệm ngày 17/04/2009)

+ Thù lao: 14,000 triệu đồng/năm  
 + Tổng thu nhập: 14,000 triệu đồng/năm

- Ông Trịnh Phi Anh, Ủy viên Ban Kiểm soát:

+ Thù lao: 46,000 triệu đồng/năm  
 + Tiền thưởng Ban điều hành: 25,000 triệu đồng/năm  
 + Tổng thu nhập: 71,000 triệu đồng/năm

- Ông Nguyễn Xuân Việt Anh, Ủy viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 17/04/2009):

+ Thù lao: 34,000 triệu đồng/năm  
 + Tiền thưởng Ban điều hành: 20,000 triệu đồng/năm  
 + Tổng thu nhập: 54,000 triệu đồng/năm

**\* Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:**

Hội đồng quản trị: Đã có chứng chỉ 05/05 người

Ban kiểm soát: Đã có chứng chỉ 02/03 người

Ban Giám đốc: Đã có chứng chỉ 01/03 người

**\* Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị:**

Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			
1. Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch	18.513	0.01
2. Nguyễn Đức Đối	Ủy viên	648.750	0.32
<b>BAN GIÁM ĐỐC</b>			
1. Võ Thành Trung	Tổng Giám đốc	260.370	0.13
2. Hoàng Anh Tuấn	Phó TGD	3	0.00
3. Dương Tấn Tường	Phó TGD	18.300	0.01

\* Thông tin về giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và những người liên quan: Không có.

\* Thông tin về hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết với Công ty của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và những người liên quan: Không có.

**2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông: (Tính đến ngày 18/11/2009)**

Số cổ phần hiện tại: 206.241.246 Cổ phần, trong đó:

- Cổ đông nhà nước sở hữu : 112.514.878 cp, chiếm 54,55%
- Cổ đông CBCNV công ty sở hữu : 1.417.431 cp, chiếm 0,69%
- Cổ đông ngoài sở hữu : 92.308.937 cp, chiếm 44,76%

Trong đó:

- + Cổ đông trong nước sở hữu : 40.779.561 cp chiếm 19,77%
  - \* Cổ đông là tổ chức : 12.972.671 cp chiếm 6,29%
  - \* Cổ đông là cá nhân : 27.806.890 cp chiếm 13,48%
- + Cổ đông nước ngoài sở hữu : 51.529.376 cp chiếm 24,99%
  - \* Cổ đông là tổ chức : 50.784.004 cp chiếm 24,62%
  - \* Cổ đông là cá nhân : 745.372 cp chiếm 0,37%

**2.1. Cổ đông Nhà nước:**

Tên cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Số vốn cổ đông sở hữu (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	63.016.948	630.169,48	30,55
+ Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	49.497.930	494.979,30	24,00
<b>Tổng cộng</b>	<b>112.514.878</b>	<b>1.125.148,78</b>	<b>54,55</b>

**2.2. Cổ đông sáng lập:**

Tên cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Số vốn cổ đông sở hữu (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam	63.016.948	630.169,48	30,55
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.500.000	15.000,00	0,73
+ Vũ Hiền – Đống Đa, Hà Nội	1	0,01	0,00
<b>Tổng cộng</b>	<b>64.516.949</b>	<b>645.169,490</b>	<b>31,28</b>

**2.3. Cổ đông nước ngoài:**

Tên cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Số vốn cổ đông sở hữu (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
+ Amersham Industries Ltd	10.004.169	100.041,69	4.85
+ Deutsche Bank London	6.243.610	62.436,10	3.03
+ UBS AG London Branch	4.134.865	41.348,65	2.00
+ Các cổ đông nước ngoài khác	31.146.732	311.467,32	15.10
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.529.376</b>	<b>515.293,76</b>	<b>24.99</b>

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**CÔNG TY CP TĐ VĨNH SƠN - SÔNG HINH**



**Nguyễn Văn Thanh**